

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 09 năm 2020

BẢN TIN TUẦN
DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC
PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẤP NƯỚC CHO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP
TRÊN LƯU VỰC SÔNG SÀI GÒN (VÙNG ĐÔNG NAM BỘ) NĂM 2020
(Tuần từ ngày 24 tháng 09 năm 2020 đến ngày 30 tháng 09 năm 2020)

I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC

1. Lượng mưa

Theo số liệu từ Đài KTTV Nam Bộ, kết quả lượng mưa quan trắc được tại các trạm trong tuần qua như sau:

Trạm	Lượng mưa trong tuần (mm)	Lượng mưa lũy tích từ đầu năm (mm)	So sánh lượng mưa lũy tích với cùng kỳ (+/-%)					Dự báo tình hình mưa tuần tới
			TBNN	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2016	
Bến Cát	148,2	1.239,2	+ 5,3	- 22,8	- 23,0	- 18,8	+ 21,0	61,2
Bình Long	225,2	1.602,2	+ 8,0	+ 15,6	+ 47,9	- 22,4	+ 2,6	66,7
Cần Đăng	102,8	1.087,5	- 14,9	+ 10,7	- 10,7	- 33,8	+ 1,1	63,9
Dầu Tiếng	210,6	1.878,9	+ 42,4	- 16,7	+ 26,2	+ 19,8	+ 48,0	66,7
Đồng Ban	100,6	1.094,4	+ 7,0	- 17,1	+ 20,2	- 22,8	- 1,8	68,7
Gò Dầu	113,2	904,0	- 19,1	- 31,0	- 20,9	- 26,8	- 9,7	62,2
Lộc Ninh	73,4	1.046,8	- 32,1	- 31,5	- 34,2	- 65,4	+ 3,4	62,3
Sở Sao	101,4	1.609,2	+ 15,0	- 22,6	- 6,1	+ 3,7	+ 1,0	62,4
Tân Sơn Hòa	147,4	1.675,3	+ 27,4	+ 36,4	+ 14,7	- 3,2	+ 36,2	66,1
Tây Ninh	100,5	1.065,9	- 22,1	- 15,0	- 20,5	- 33,4	- 19,6	65,9
Trung bình	132,3	1.320,3	+ 1,7	- 9,4	- 0,6	- 20,3	+ 8,2	64,6

Ghi chú: “+”, “-” Lượng mưa tăng, giảm so với cùng kỳ.

Nhận xét:

Lượng mưa lũy tích trung bình các trạm đo chính trên khu vực (khoảng 132 mm), cao hơn TBNN 1,7%, cao hơn 8,2% so với năm 2016, thấp hơn 9,4% so với năm 2019, thấp hơn 20,3% so với năm 2017 và xấp xỉ so với năm 2018. Lượng mưa trong tuần lớn nhất tại trạm Bình Long (225,2 mm) và lượng mưa trong tuần nhỏ nhất tại trạm Lộc Ninh (73,4 mm). *Cụ thể, tại trạm Dầu Tiếng mưa to 81 mm ngày 22/9, tại trạm Cần Đăng mưa to 51 mm ngày 22/9, trạm Gò Dầu mưa to ngày 22/9 với vũ lượng 75 mm (tỉnh Tây Ninh); trạm Nhà Bè mưa to 51mm ngày 19/9 và 51 mm ngày 23/9, trạm Bình Chánh mưa to 87 mm ngày 23/9, trạm Cần Giò mưa to 53 mm ngày 19/9, trạm Cát Lái mưa to ngày 19/9 với vũ lượng 61 mm (TP.HCM).*

Lượng mưa trung bình dự báo trong giai đoạn tiếp theo là khoảng 64,6 mm, có xu hướng xấp xỉ trung bình nhiều năm cùng thời kỳ. Nhiệt độ trung bình dự báo phổ biến ở mức cao hơn TBNN cùng thời kỳ.

2. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi

Hồ chứa	Dung tích trữ thiết kế (triệu m ³)	Dung tích trữ hiện tại (triệu m ³)	W trữ hiện tại so với W _{tk} (%)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)				Xu thế nguồn nước tuần tới	Dự kiến W trữ cuối vụ (%)
				TBNN	2019	2018	2017		
Hồ Dầu Tiếng	1.580,00	968,97	61,33	+ 3,4	- 9,1	+ 7,3	- 4,3	Tăng	71,86
Hồ Càn Nôm	7,99	4,83	60,39	- 19,0	+ 0,3	- 34,1	- 34,8	Tăng	66,58
Hồ Ba Veng	0,8674	0,87	100,00	+ 20,6	-	+ 20,5	+ 17,2	Tăng	100,00
Hồ Tha La	23,47	16,84	71,75	+ 12,6	+ 52,3	+ 11,5	- 3,8	Tăng	72,57
Hồ Bù Nâu	0,614	0,61	100,00	+ 0,4	0	+ 0,7	0	Tăng	100,00
Hồ Tà Thiết	1,15	1,150	100,00	+ 21,1	0	0	0	Tăng	100,00
Hồ Rừng Cẩm	2,068	1,37	66,29	- 25,9	- 11,9	- 33,8	- 33,7	Tăng	76,63
Hồ Tà Te	0,756	0,44	58,85	- 39,4	- 41,2	- 41,5	- 41,2	Tăng	97,94
Hồ Suối Lấp	0,37	0,37	100,00	+ 5,4	0	+ 1,4	0	Tăng	100,00
Hồ Lộc Thạnh	2,957	2,96	100,00	+ 21,9	0	+ 5,6	+ 14,6	Tăng	100,00
Trung bình/Tổng	1.620,24^(*)	998,41	61,62	+ 0,1	- 1,0	- 6,2	- 8,6		71,97

Ghi chú: “+”, “-” Dung tích trữ tăng, giảm so với cùng kỳ. (*): Giá trị tổng.

Nhận xét:

Tổng dung tích trữ thiết kế của các công trình trên khu vực là 1.620 triệu m³. Nguồn nước trong các hồ chứa tính đến thời điểm ngày 23/09/2020 ở mức khá so với DTTK, tổng dung tích trữ hiện tại là 998,41 triệu m³ (đạt 61,62% DTTK). Tổng dung tích trữ các hồ chứa xấp xỉ so với cùng kỳ TBNN và thấp hơn so với cùng kỳ các năm 2017-2019.

II. KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC CỦA CÔNG TRÌNH THỦY LỢI, TÌNH HÌNH HẠN HÁN VÀ KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG NƯỚC

1. Khả năng cấp nước

a. Kế hoạch sử dụng nước

Theo kết quả tính toán, tổng nhu cầu nước theo kế hoạch sản xuất tháng 9 của vụ Mùa năm 2020 của 10 hồ chứa lớn và vừa trên lưu vực sông Sài Gòn (vùng Đông Nam Bộ) là **56,30** triệu m³.

TT	Tên hồ chứa	Vụ Mùa năm 2020				Nhu cầu nước tưới tháng 9 cho vụ Mùa năm 2020 (10 ⁶ m ³)
		Diện tích sản xuất vụ Mùa (ha)				
		Lúa	Rau màu	Cây CNDN	Thủy sản	
Tổng cộng		19.381,0	1.331,0	26.395,0	447,0	56,30
1	Hồ Dầu Tiếng	19.000	1.300	22.660	440	52,93
2	Hồ Càn Nôm	89	31		7	0,16
3	Hồ Ba Veng			70		0,03
4	Hồ Tha La	200		3.300		2,83
5	Hồ Bù Nâu	42		60		0,07

TT	Tên hồ chứa	Vụ Mùa năm 2020				Nhu cầu nước tưới tháng 9 cho vụ Mùa năm 2020 (10 ⁶ m ³)
		Diện tích sản xuất vụ Mùa (ha)				
		Lúa	Rau màu	Cây CNDN	Thủy sản	
6	Hồ Tà Thiết	50		20		0,15
7	Hồ Rừng Cắm			90		0,04
8	Hồ Tà Te			30		0,01
9	Hồ Suối Láp			85		0,04
10	Hồ Lộc Thạnh			80		0,03

b. Dự báo nguồn nước đến hồ chứa

TT	Tên hồ chứa	Dự báo khả năng dòng chảy tới các hồ chứa tháng 9 năm 2020 (10 ⁶ m ³)
1	Hồ Dầu Tiếng	452,95
2	Hồ Càn Nôm	2,74
3	Hồ Ba Veng	2,36
4	Hồ Tha La	85,48
5	Hồ Bù Nâu	2,74
6	Hồ Tà Thiết	0,74
7	Hồ Rừng Cắm	1,72
8	Hồ Tà Te	0,41
9	Hồ Suối Láp	1,66
10	Hồ Lộc Thạnh	2,06

c. Kết quả tính toán cân bằng nước và các khuyến cáo cho từng công trình

Dựa vào xu thế mưa một số năm gần đây; kết quả dự báo của Đài KTTV khu vực Nam Bộ; kế hoạch sử dụng nước; và kết quả tính toán cân bằng nước tháng 9 cho vụ Mùa, kết quả dự báo tuần từ ngày 24/09/2020 đến ngày 30/09/2020 như sau:

- **10/10 hồ chứa có khả năng đảm bảo cấp nước 100%:** Hồ Dầu Tiếng, hồ Càn Nôm, hồ Ba Veng, hồ Tha La, hồ Bù Nâu, hồ Tà Thiết, hồ Rừng Cắm, hồ Tà Te, hồ Suối Láp, hồ Lộc Thạnh.

Tên công trình	Dung tích hiện tại so với DTTK (%)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Mùa năm 2020 từ ngày 24/09/2020 đến 30/09/2020			Ghi chú
			Dung tích so với TK (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	
Hồ Dầu Tiếng	61,33	43.400	65,56	100	43.400	Đủ nước
Hồ Càn Nôm	60,39	127,00	61,33	100	127,00	Đủ nước
Hồ Ba Veng	100,00	70	100,00	100	70	Đủ nước
Hồ Tha La	71,75	3.500	72,57	100	3.500	Đủ nước
Hồ Bù Nâu	100,00	102	100,00	100	102	Đủ nước
Hồ Tà Thiết	100,00	70	100,00	100	70	Đủ nước
Hồ Rừng Cắm	66,29	90	68,54	100	90	Đủ nước
Hồ Tà Te	58,85	30	62,96	100	30	Đủ nước
Hồ Suối Láp	100,00	85	100,00	100	85	Đủ nước
Hồ Lộc Thạnh	100,00	80	100,00	100	80	Đủ nước
Trung bình/Tổng	61,62	47.554^(*)	65,77	100	47.554^(*)	

Ghi chú: ^(*) giá trị tổng.

2. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi

Trạm	Vùng	Mưa hiện trạng và dự báo (mm)	So với mưa cùng thời đoạn (%)			Khuyến cáo
			Năm Min	TBNN	Năm Max	
Tây Ninh	Thanh Bắc – Tân Biên	1.131,8	+ 18	- 22	- 41	Rủi ro hạn thấp
Dầu Tiếng	Tân Hà – Tân Châu	1.945,6	+ 100,3	+ 40	- 17	Rủi ro hạn thấp
	Thanh Đức – Gò Dầu					
	Cầu Khởi – Dương Minh Châu					
	Gia Lộc – Trảng Bàng					
Trung bình		1.538,7	+ 59,2	+ 9	- 29	Rủi ro hạn thấp

Ghi chú: “+”, “-” Lượng mưa tăng, giảm so với cùng kỳ.

Nhận xét và khuyến cáo:

Lượng mưa trung bình của các khu vực nằm ngoài công trình thủy lợi cao hơn lượng mưa TBNN 9% và cao hơn 59,2% so với năm có lượng mưa nhỏ nhất. Mặt khác, khu vực hiện tại đang trong mùa mưa, tuần qua tiếp tục phổ biến mưa vừa, cục bộ vài nơi có mưa to nên khả năng rủi ro hạn hán thiếu nước đối với các vùng sản xuất thấp.

3. Tổng hợp thông tin hạn hán

Diện tích gieo trồng (ha)			Diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng do thiếu nước (ha)	Diện tích không canh tác do thiếu nước (ha)	Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng, hạn hán, xâm nhập mặn (ha)		
Tổng cộng	Lúa	Cây trồng khác			Lúc cao nhất	Hiện tại	Dự báo xu thế (tăng/giảm)
47.554	19.381	28.173					

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Từ kết quả dự báo nguồn nước đến ngày 30/09/2020 cho thấy tổng dung tích trữ trong các hồ chứa đạt 1.065,6 triệu m³ (chiếm 65,77% so với dung tích trữ thiết kế). Nguồn nước tại 10/10 hồ chứa trên lưu vực sông Sài Gòn (vùng Đông Nam Bộ) có khả năng đáp ứng đủ 100% cho sản xuất nông nghiệp và cấp nước theo nhiệm vụ thiết kế. Vì vậy, kế hoạch sử dụng nước tại các hồ thủy lợi đến ngày 30/09/2020 không thay đổi.

Hiện tại, khu vực đang trong mùa mưa lũ, để bảo đảm cấp nước cho sản xuất nông nghiệp vụ Mùa 2020 và nhằm ứng phó với diễn biến thiên tai có thể xảy ra, kiến nghị một số nội dung sau: (1) Tăng cường nguồn lực thực hiện các giải pháp phòng, chống, ngập lụt, úng, đảm bảo cấp nước phục vụ cho sản xuất và dân sinh; (2) Tăng cường công tác tuyên truyền, thường xuyên thông báo tình hình thời tiết, nguồn nước

để điều chỉnh kế hoạch sản xuất phù hợp; (3) Khẩn trương kiểm tra, sửa chữa công trình đảm bảo sẵn sàng phục vụ trong mọi tình huống trong mùa mưa lũ; (4) Đề phòng tình trạng ngập lụt nếu có mưa lớn xảy ra, khi hồ chứa thượng lưu xả lũ, triều cường...
Đặc biệt ở các khu vực: vùng dọc sông Sài Gòn đoạn qua tỉnh Bình Dương, TP HCM khu vực hạ du hồ Dầu Tiếng, sông Thị Tính đoạn qua phường Mỹ Phước (TX Bến Cát, tỉnh Bình Dương).

Trên cơ sở bản tin dự báo nguồn nước của 10 hồ chứa trên lưu vực sông Sài Gòn- vùng Đông Nam Bộ, các địa phương cần tiếp tục theo dõi các bản tin dự báo hàng tuần tiếp theo và phản hồi những diễn biến bất thường về thời tiết, kế hoạch sản xuất, quản lý vận hành công trình hồ chứa tới Tổng cục Thủy lợi và Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam để kịp thời cập nhật tin dự báo.

Bản tin tiếp theo sẽ phát hành vào ngày 01/10/2020 (tuần sau)/.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Lãnh đạo Tổng cục Thủy lợi (để b/c);
- Lãnh đạo các sở NN&PTNT, CCTL, Cty KTCTTL 06 tỉnh vùng ĐNB;
- Các Cục, Vụ liên quan thuộc TCTL (để b/c);
- Cục Trồng trọt (Phòng CLT);
- Website TCTL, website Viện QHTLMN (để đăng tin);
- Lưu P. QHTL ĐNB và phụ cận.

VIỆN TRƯỞNG